

THỐNG KÊ CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC TIỂU HỌC - HỌC KÌ II

Năm học :	Năm học: 2022-2023
Trường :	TH Lê Đình Chinh

1. Chất lượng giáo dục

[illegible]

8. Thủ công, Kỹ thuật	361	361	148	71	34	14			213	99	66	33		7
Hoàn thành tốt		337	134	65	29	12			203	94	62	32		5
Hoàn thành		24	14	6	5	2			10	5	4	1		2
Chưa hoàn thành														
9. Thể dục	361	361	148	71	34	14			213	99	66	33		7
Hoàn thành tốt		361	148	71	34	14			213	99	66	33		7
Hoàn thành														
Chưa hoàn thành														
10. Ngoại ngữ	361	361	148	71	34	14			213	99	66	33		7
Hoàn thành tốt		117	65	34	15	9			52	30	21	13		
Hoàn thành		244	83	37	18	5			161	69	45	20		7
Chưa hoàn thành														
11. Tin học	361	361	148	71	34	14			213	99	66	33		7
Hoàn thành tốt		290	127	63	29	12			163	84	55	30		1
Hoàn thành		71	21	8	5	2			50	15	11	3		6
Chưa hoàn thành														
12. Tiếng dân tộc														
Hoàn thành tốt														
Hoàn thành														
Chưa hoàn thành														
II. Năng lực														
Tự phục vụ tự quản	361	361	148	71	34	14			213	99	66	33		7
Tốt		329	133	67	28	13			196	99	61	33		1
Đạt		32	15	4	6	1			17		5			6
Cần cố gắng														
Hợp tác	361	361	148	71	34	14			213	99	66	33		7
Tốt		335	128	61	26	11			207	98	64	33		6
Đạt		26	20	10	8	3			6	1	2			1
Cần cố gắng														
Tự học và giải quyết vấn đề	361	361	148	71	34	14			213	99	66	33		7
Tốt		277	106	54	24	9			171	85	57	30		
Đạt		78	36	14	8	4			42	14	9	3		7
Cần cố gắng		6	6	3	2	1								
III. Phẩm chất														
Chăm học chăm làm	361	361	148	71	34	14			213	99	66	33		7
Tốt		280	108	58	25	11			172	89	57	31		
Đạt		80	39	13	8	3			41	10	9	2		7
Cần cố gắng		1	1		1									
Tự tin trách nhiệm	361	361	148	71	34	14			213	99	66	33		7

Tốt		307	115	57	26	11			192	91	61	32		3
Đạt		52	31	13	6	2			21	8	5	1		4
Cần cố gắng		2	2	1	2	1								
Trung thực kỷ luật	361	361	148	71	34	14			213	99	66	33		7
Tốt		320	126	61	24	10			194	95	63	33		4
Đạt		41	22	10	10	4			19	4	3			3
Cần cố gắng														
Đoàn kết yêu thương	361	361	148	71	34	14			213	99	66	33		7
Tốt		345	136	66	27	11			209	99	66	33		6
Đạt		16	12	5	7	3			4					1
Cần cố gắng														
IV. Khen thưởng		114	62	33	14	8			52	27	21	11		
- Giấy khen cấp trường		103	60	33	14	8			43	25	17	10		
- Giấy khen cấp trên		11	2						9	2	4	1		
V. HSDT được trợ giảng														
VI. HS.K.Tật		7							7		1			7
VII. HS bỏ học kỳ II														
+ Hoàn cảnh GĐKK														
+ KK trong học tập														
+ Xa trường, đi lại K.khẩn														
+ Thiên tai, dịch bệnh														
+ Nguyên nhân khác														
VIII. Chương trình lớp học□	361	361	148	71	34	14			213	99	66	33		7
Hoàn thành	355	355	142	68	32	13			213	99	66	33		7
Chưa hoàn thành□	6	6	6	3	2	1								